

**HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 70/2026/QĐ-UBND NGÀY 15/09/2026
ĐỐI VỚI GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT**

(Đính kèm Công văn số /SGDDT-KHTC ngày tháng năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	DỊCH VỤ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHOẢN THU	HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN	VĂN BẢN PHÁP LÝ (NẾU CÓ)/ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CỦA BỘ, SỞ ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH	GHI CHÚ
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú, nội trú				
1.1	Dịch vụ ăn uống				
1.1.1	Suất ăn sáng	Khoản thu để tổ chức bữa ăn sáng cho học sinh, trong đó: - Trường tự vận hành bếp ăn = nguyên liệu + nhiên liệu - Suất ăn dịch vụ (từ đơn vị cung cấp suất ăn, dịch vụ nấu ăn) = toàn bộ chi phí cấu thành sản phẩm	Tổ chức bữa ăn sáng cho trẻ theo nhu cầu của cha mẹ trẻ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn sức khỏe của trẻ, đảm bảo khẩu phần dinh dưỡng.	- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục; - Công điện số 64/CĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, chất lượng bữa ăn nội trú, bán trú trong các cơ sở giáo dục; - Công văn số 7916/UBND-VX ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục	
1.1.2	Suất ăn trưa, xế	Khoản thu để tổ chức bữa ăn bán trú cho học sinh - Trường tự vận hành bếp ăn = nguyên liệu + nhiên liệu - Suất ăn dịch vụ (từ đơn vị cung cấp suất ăn, dịch vụ nấu ăn) = toàn bộ chi phí cấu thành sản phẩm	Tổ chức bữa ăn cho trẻ phải đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn sức khỏe của trẻ, đảm bảo khẩu phần dinh dưỡng theo quy định. Thực đơn phong phú, đa dạng, lựa chọn thực phẩm theo mùa; hạn chế thực phẩm chế biến sẵn, chú ý trẻ có tiền sử dị ứng với một số thực phẩm. Khẩu phần dinh dưỡng khuyến nghị từ 60-70% (Nhà trẻ), 50%-60% (Mẫu giáo). Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng thực phẩm, chất lượng bữa ăn và điều chỉnh khi cần thiết.	- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục; - Công điện số 64/CĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, chất lượng bữa ăn nội trú, bán trú trong các cơ sở giáo dục; - Công văn số 7916/UBND-VX ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục	Tùy vào điều kiện và nhu cầu, nhà trường có thể tổ chức ăn xế cho học sinh bán trú hoặc không.
1.1.3	Nước uống	Khoản thu để chi trả tiền nước uống cho học sinh - Trường tự vận hành hệ thống lọc nước: tiền nước + tiền điện + chi phí vận hành hệ thống lọc nước; - Nước uống đóng chai (bình): toàn bộ chi phí cấu thành sản phẩm	Lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo an toàn và có giấy chứng nhận xét nghiệm nước.	- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục; - Công điện số 64/CĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, chất lượng bữa ăn nội trú, bán trú trong các cơ sở giáo dục; - Công văn số 7916/UBND-VX ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục	
1.2	Dịch vụ phục vụ bán trú				
1.2.1	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	Khoản thu để chi trả tiền công phục vụ ăn sáng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia công tác tổ chức phục vụ ăn sáng cho học sinh.	Xây dựng kế hoạch thu chi phù hợp với điều kiện của từng đơn vị, được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Công khai cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.		

STT	DỊCH VỤ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHOẢN THU	HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN	VĂN BẢN PHÁP LÝ (NẾU CÓ)/ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CỦA BỘ, SỞ ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH	GHI CHÚ
1.2.2	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Khoản thu để chi trả tiền công cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia công tác tổ chức bán trú cho học sinh, mua sắm các đồ dùng, vật dụng phục vụ vệ sinh bán trú	Xây dựng kế hoạch thu chi phù hợp với điều kiện của từng đơn vị, được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Công khai cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Mua sắm đầy đủ các đồ dùng, vật dụng phục vụ vệ sinh bán trú theo quy định.		
1.2.4	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	Khoản thu để mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú	Xây dựng kế hoạch trang bị, mua sắm các đồ dùng, vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú. Thường xuyên rà soát, bổ sung, thay mới đồ dùng đầy đủ và đảm bảo an toàn cho học sinh.		Khoản kinh phí này không sử dụng để sửa chữa CSVC.
2	Dịch vụ đưa đón người học	Khoản thu để tổ chức xe đưa rước học sinh bằng xe ô tô	Theo nhu cầu của cha mẹ/người giám hộ, chăm sóc học sinh Xây dựng kế hoạch thu chi đúng theo quy định.		Chỉ thực hiện khi đơn vị có điều kiện đưa đón học sinh và nhu cầu đăng ký của cha mẹ học sinh
3	Dịch vụ công nghệ, học tập số	Khoản thu để chi trả các dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý, tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ của học sinh tại trường chuyên biệt.	Nghiên cứu, lựa chọn và trang bị các phần mềm, ứng dụng phù hợp, thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý; hỗ trợ tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, can thiệp, phục hồi chức năng và theo dõi sự tiến bộ của học sinh khuyết tật; đồng thời hỗ trợ giáo viên trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm, khả năng, nhu cầu và mức độ khuyết tật của từng học sinh. Xây dựng kế hoạch thu, chi bảo đảm đúng mục đích, công khai, minh bạch và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.	+ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; + Thông tư 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ GD&ĐT về ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục; + Thông tư số 42/2021/TT- BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về cơ sở dữ liệu GD&ĐT; + Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD&ĐT về ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo; + Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; + Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về ban hành kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của ngành Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;	
4	Dịch vụ tổ chức hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống				
4.1	Dịch vụ tổ chức hoạt động ngoại khóa	Khoản thu để tổ chức các hoạt động ngoại khóa phù hợp với đặc điểm, khả năng, nhu cầu và mức độ khuyết tật của học sinh, chi trả thù lao cho giáo viên, nhân viên, báo cáo viên, chi phí quản lý khi tổ chức hoạt động	- Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đáp ứng nhu cầu người học nhưng không nằm trong chương trình, kế hoạch giáo dục chính thức do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Được sự đồng ý của cha mẹ học sinh và tự nguyện của học sinh. - Cơ sở giáo dục, đơn vị phải xây dựng mức thu theo nguyên tắc lấy thu bù đắp chi phí hoạt động; báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên	-Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. - Công văn hướng dẫn chuyên môn đầu năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo	

STT	DỊCH VỤ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHOẢN THU	HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN	VĂN BẢN PHÁP LÝ (NẾU CÓ)/ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CỦA BỘ, SỞ ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH	GHI CHÚ
4.2	Dịch vụ tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống	Khoản thu để tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phù hợp với đặc điểm, khả năng, nhu cầu và mức độ khuyết tật của học sinh. Kỹ năng sống là tập hợp các kỹ năng cần thiết được hình thành thông qua quá trình giáo dục, rèn luyện và trải nghiệm thực tiễn, giúp học sinh nâng cao khả năng tự phục vụ, tự bảo vệ, giao tiếp, ứng xử, thích nghi và tham gia phù hợp vào các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày. Giáo dục kỹ năng sống là hoạt động giáo dục nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những kỹ năng, thói quen, hành vi và thái độ tích cực; hỗ trợ học sinh nâng cao khả năng tự lập, giao tiếp, ứng xử, thích nghi với môi trường sống và tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm, khả năng và nhu cầu của từng học sinh.	Việc tổ chức các hoạt động căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, nhu cầu của cha mẹ học sinh và sự tự nguyện đăng ký tham gia; đồng thời bảo đảm phù hợp với đặc điểm, khả năng, nhu cầu hỗ trợ của học sinh khuyết tật và các yêu cầu về an toàn trong suốt quá trình tổ chức. Thời lượng thực hiện: 02 tiết/tuần hoặc bố trí phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường, đặc điểm của học sinh và điều kiện tổ chức thực tế. Trường hợp phối hợp với trung tâm, tổ chức hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục kỹ năng sống, nhà trường có trách nhiệm lựa chọn đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động theo quy định; bảo đảm đội ngũ giáo viên, báo cáo viên hoặc nhân sự trực tiếp tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với đối tượng học sinh.	-Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.	
5	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (không bao gồm tiền ăn)				
5.1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trước và sau giờ học chính khóa	Khoản thu để tổ chức trông giữ, chăm sóc và hỗ trợ học sinh ngoài giờ học chính khóa theo nhu cầu của cha mẹ học sinh hoặc người chăm sóc học sinh, trên cơ sở tự nguyện đăng ký và phù hợp với điều kiện tổ chức thực tế của nhà trường; bảo đảm an toàn và đáp ứng nhu cầu hỗ trợ cần thiết của học sinh khuyết tật trong thời gian lưu lại trường. Khoản thu này không bao gồm các khoản chi cho ăn sáng, ăn trưa, ăn xế, nước uống, tiền điện, hoạt động ngoại khóa và các khoản thu khác đã được quy định hoặc thỏa thuận riêng.	Xây dựng kế hoạch tổ chức trông giữ, chăm sóc học sinh ngoài giờ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Tổ chức trên cơ sở điều kiện thực tế, nhu cầu và sự tự nguyện của cha mẹ học sinh/người chăm sóc học sinh, giáo viên, nhân viên tham gia. Bảo đảm an toàn, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho học sinh. Tổ chức các hoạt động phù hợp như tự phục vụ, vui chơi, trải nghiệm, vận động và rèn luyện kỹ năng. Bố trí đủ giáo viên, nhân viên hỗ trợ phù hợp với số lượng, đặc điểm và mức độ khuyết tật của học sinh.		
5.2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trong các ngày nghỉ (bao gồm nghỉ hè, không bao gồm các ngày lễ tết)	Khoản thu để tổ chức trông giữ, chăm sóc và hỗ trợ học sinh trong ngày nghỉ, thời gian hè theo nhu cầu của cha mẹ học sinh/người chăm sóc học sinh; không bao gồm các ngày lễ, tết và các khoản tiền ăn, nước uống, tiền điện, hoạt động ngoại khóa và các khoản thu khác theo quy định.	Xây dựng kế hoạch tổ chức trông giữ, chăm sóc học sinh trong ngày nghỉ, thời gian hè và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Tổ chức trên cơ sở điều kiện thực tế, nhu cầu của cha mẹ học sinh/người chăm sóc học sinh và sự tự nguyện của giáo viên, nhân viên tham gia. Bảo đảm an toàn, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh và an toàn thực phẩm cho học sinh. Tổ chức các hoạt động phù hợp như tự phục vụ, vui chơi, trải nghiệm, vận động và rèn luyện kỹ năng. Bố trí đủ giáo viên, nhân viên hỗ trợ phù hợp với số lượng, đặc điểm và mức độ khuyết tật của học sinh.		

STT	DỊCH VỤ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHOẢN THU	HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN	VĂN BẢN PHÁP LÝ (NẾU CÓ)/ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CỦA BỘ, SỞ ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH	GHI CHÚ
6	Dịch vụ tổ chức học bơi an toàn, phòng chống đuối nước	Khoản thu để tổ chức cho học sinh học bơi theo nhu cầu, bảo đảm phổ cập bơi cho học sinh. Khoản thu để tổ chức hoạt động: sử dụng hồ bơi và các dịch vụ liên quan; dạy bơi, đánh giá, kiểm tra học sinh cuối khóa; quản lý, đảm bảo an toàn cho học sinh.	Tuỳ theo tình hình và điều kiện cụ thể, nhu cầu của học sinh, có thể sắp xếp linh hoạt thời gian học đảm bảo thời lượng từ 60 đến 90 phút mỗi buổi học, từ đó có mức thu phù hợp.	- Quyết định số 1717/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước cho học sinh giai đoạn 2025-2035. - Quyết định số 2993/QĐ-BGDĐT ngày 29/10/2025 của Bộ GDĐT về phê duyệt Chương trình và Tài liệu hướng dẫn dạy bơi an toàn cho học sinh. - Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn đầu năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không bắt buộc, có thể tổ chức sau giờ học và trước khi học sinh được cha mẹ đón về. Linh hoạt sắp xếp Thời khoá biểu theo kế hoạch nhà trường
7	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác đáp ứng nhu cầu hoạt động của cơ sở giáo dục				
7.1	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	- Đối với lớp học đã có máy lạnh: Khoản thu để chi trả tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh. - Đối với lớp học thuê máy lạnh: Khoản thu để chi trả tiền thuê máy lạnh, tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh.	Xây dựng kế hoạch thu chi đảm bảo đúng theo quy định.		
7.2	Dịch vụ trông giữ xe học sinh, cha mẹ học sinh	Khoản thu để tổ chức trông giữ xe cho học sinh học tập tại cơ sở giáo dục và cha mẹ/người đưa đón học sinh.		Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo	

**Ghi chú: Số thứ tự các dịch vụ tại Phụ lục này giữ nguyên theo danh mục tại Phụ lục đính kèm Quyết định số 70/2026/QĐ-UBND.